

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST

Ngày 07/06/2024

Về việc: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thọ và bà Nguyễn Thị Thương

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Vân - Thư ký TAND huyện Cẩm Thủy

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 06 năm 2024, tại Hội trường xét xử TAND huyện Cẩm Thủy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân thụ lý số 46/2024/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024.

Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Hà Thị H**, Sinh năm 1988

HKTT: **Thôn K, xã B, huyện C, tỉnh Nghệ An**

Bị đơn: Anh **Dương Văn T**, Sinh năm 1994

HKTT: **Thôn B, xã C, huyện C, Thanh Hóa**

Đều vắng mặt tại phiên tòa - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị **Hà Thị H** trình bày: Chị và anh **T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 03 năm 2018 tại **UBND xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Sau khi kết hôn được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay, vì vậy chị làm đơn xin được ly hôn đối với anh **T**.

Về con chung: Chị **H** và anh **T** không có con chung.

Về tài sản chung: Chị **H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh **Dương Văn T** trình bày: Anh nhất trí với ý kiến của chị **H**. Vợ chồng kết hôn với nhau được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ lâu. Nay chị **H** làm đơn ly hôn, anh nhất trí vì xét thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được và mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Anh và chị **H** không có con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện **Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy**: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đã thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 28 và điều 273 BLTTDS; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/201/UBTVQH 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Đề nghị xử cho chị **H** được ly hôn anh **T**.

Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào các quy định của pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị **Hà Thị H** làm đơn khởi kiện xin ly hôn đối với bị đơn là anh **Dương Văn T** có hộ khẩu thường trú tại: **Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa**. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải cho anh **T**. Anh **T** đã có bản tự khai trình bày rõ ý kiến, quan điểm về hôn nhân, con chung và tài sản chung của anh và chị **H**, đồng thời anh **T** làm đơn từ chối hòa giải.

Chị **H** và anh **T** đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng do điều kiện công việc nên cả chị **H** và anh **T** đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[4] Về Hôn nhân: Chị **H** và anh **T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 16/3/2018 tại **UBND xã C, huyện C** nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau được thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay, chị **H** đã về nhà mẹ đẻ (**huyện C, tỉnh Nghệ An**) để sinh sống.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần áp dụng khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị **H** được ly hôn anh **T** là phù hợp.

[5] Về con chung: Chị **H** và anh **T** không có con chung.

[6] Về tài sản chung: Chị **H** và anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị **H** phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 1 điều 227, khoản 1 Điều 228 và điều 273 BLTTDS; Khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/201/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị **Hà Thị H**. Xử cho chị **Hà Thị H** được ly hôn anh **Dương Văn T**.

Về con chung: Chị **H** và anh **T** không có con chung.

Về tài sản chung: Chị **H** và anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị **H** phải chịu 300.000đồng án phí DSST được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị đã nộp theo biên lai thu số 0000972 ngày 11 tháng 04 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Cẩm Thủy.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

Các đương sự;
VKSND H. Cẩm Thủy;
UBND xã Cẩm Thạch;
Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Sơn

